TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS-ST
Ngày : 27/3/2023
V/v tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Chính và bà Trần Thị Hồng Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa*:* Bà Phan Thị Ánh Việt, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản".*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Ph1, sinh năm 1967

Trú tại: huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên. Có mặt

2. *Bị đơn*: Chị Tôn Thị Nữ Ph2, sinh năm 1990

Trú tại:huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên. Có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph1 trình bày như sau:

Ngày 23/02/2020, tôi *(Nguyễn Thị Ph1)* có cho chị Tôn Thị Nữ Ph2 mượn 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)* để mua xe tải; hai bên thỏa thuận không tính lãi và không nói ngày trả. Đến ngày 19/11/2020, Ph2 mang tiền lên Ngân Điền trả cho con dâu tôi 6.400.000 đồng và nói *"trừ tiền hết nợ con mày"* với tôi. Tôi nghĩ rằng nếu nhận 6.400.000 đồng *(Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng)* này thì Ph2 sẽ không trả thêm nữa nên tôi đã chủ động mang 6.400.000 đồng *(Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng)* này trả lại cho Ph2 và yêu cầu trả đủ 15.000.000

đồng*(Mười lăm triệu đồng)*. Tôi đã đòi nợ Ph2 nhiều lần nhưng bà Ph2 không trả nên tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Ph2 nghĩa vụ trả đủ một lần số tiền 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)* và không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại biên bản ghi lời trình bày ngày 09/3/2023, bị đơn chị Tôn Thị Nữ Ph2 trình bày:

Tôi xác nhận có mượn bà Nguyễn Thị Ph1 số tiền 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)* nhưng hiện tại chưa có khả năng trả một lần. Tôi chỉ có khả năng trả 500.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ. Tôi không có thời gian đến Tòa, xinTòa án xét xử vắng mặt tôi theo quy định pháp luật căn cứ lời trình bày của tôi.

Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph1 xác định ngày 23/02/2020 có cho bị đơn chị Tôn Thị Nữ Ph2 mượn số tiền 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)* nhưng các bên không lập bằng văn bản, các bên không thỏa thuận ngày trả và không thỏa thuận tiền lãi. Nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ vào ngày 10/6/2022 (âm lịch) nhưng bị đơn không trả mà trái lại còn chửi bới, dọa đánh bị đơn. Bị đơn chị Ph2 xin được trả 500.000 đồng/tháng thì bà không đồng ý. Nay yêu cầu Tòa án buộc bị đơn chị Ph2 phải có nghĩa vụ trả đủ một lần số tiền gốc 15.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng; Việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát cùng cấp và người tham gia tố tụng đúng theo quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định về quyền, nghĩa vụ và nội quy phiên tòa. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 và 469 Bộ luật Dân sự 2015. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph1. Buộc bị đơn chị Tôn Thị Nữ Ph2 có nghĩa vụ trả đủ một lần số tiền gốc 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)*, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết. Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Xét bị đơn chị Tôn Thị Nữ Phượng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét tài liệu trong hồ sơ vụ án thì thấy:

- Biên bản làm việc ngày 19/10/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph1 trình bày: *"Ngày 19/7/2022, tôi (Nguyễn Thị Phụng) có làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa; yêu cầu Tòa án buộc bà Tôn Thị Nữ Phượng, sinh năm 1990; Trú tại: thôn Phong Hậu, xã Hòa Hội, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên trả nợ số tiền 15.000.000 đồng phát sinh từ việc bà Phượng mượn tiền của tôi vào ngày 23/02/2020. Kèm theo đơn khởi kiện, tôi có giao nộp 01 USB, trong USB này có nội chị Phượng có nói "tôi có nhận bà 15.000.000 đồng". Tôi ở đây là bà Tô Thị Nữ Phượng và bà ở đây là tôi (Nguyễn Thị Phụng)"*. Chứng cứ duy nhất mà phía nguyên đơn giao nộp là 01 USB để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph1 không có yêu cầu Tòa án giám định nội dung và âm thanh trong USB này do đó Hội đồng xét xử không thể xác định nội dung dữ liệu trong USB này là gì do đó đây không phải là chứng cứ có giá trị chứng minh giữa các bên có giao dịch dân sự vay tài sản.

- Biên bản ghi lời trình bày ngày 09/3/2023, bị đơn chị Tôn Thị Nữ Ph2 trình bày:*"Tôi (Phượng) xác nhận có mượn bà Nguyễn Thị Phụng số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) nhưng hiện tại chưa có khả năng trả một lần. Tôi chỉ có khả năng trả 500.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ".* Xét tài liệu này Hội đồng xét xử thấy: Biên bản ghi lời trình bày ngày 09/3/2023 của bị đơn chị Tôn Thị Nữ Ph2 được thu thập theo đúng trình tự pháp luật được quy định tại khoản 2 Điều 98 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đây là chứng cứ, có giá trị chứng minh việc vay tiền của bị đơn chị Tôn Thị Nữ Ph2. Mặt khác, sự thừa nhận của bị đơn chị Tôn Thị Nữ Ph2 là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền gốc 15.000.000 đồng và không yêu cầu trả tiền lãi:

Tài liệu chứng cứ như tại mục [2] như đã nhận định, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Bị đơn chị Tôn Thị Nữ Ph2 có vay của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phụng số tiền 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)*, giao dịch dân sự vay tài sản này không được các bên lập thành văn bản, các bên không thỏa thuận thời gian trả nợ và không thỏa thuận lãi suất. Đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự.

Khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự quy định:*"Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản vay và bên vay cũng có*

quyền trả nợ vào bất cứ khi nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác". Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph1 cho rằng vào ngày 10/6/2022 (âm lịch) đã yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không trả nợ mà còn chửi bới, xúc phạm danh dự nhưng lại không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh thể hiện việc này.

Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa đã thụ lý vụ án vào ngày 25/10/2022 và đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn chị Tôn Thị Nữ Ph2 biết việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph1 yêu cầu trả nợ. Bên cạnh đó, Tòa án đã lập biên bản giao nhận trong đó tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác. Việc Tòa án thông báo thụ lý vụ án, tống đạt thông báo thụ lý vụ án được coi là bên cho vay bà Nguyễn Thị Ph1 đòi lại tiền vay và đã báo cho bị đơn chị Tôn Thị Nữ Ph2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình trong một thời hạn phù hợp từ ngày 25/10/2022 cho đến nay nhưng bị đơn chị Tôn Thị Nữ Ph2 lại cho rằng "*hiện tại chưa có khả năng trả một lần. Tôi chỉ có khả năng trả 500.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ"* là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên có căn cứ buộc bị đơn chị Tôn Thị Nữ Ph2 thực hiện nghĩa vụ trả đủ một lần số tiền gốc 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)* cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph1.

[4] Về khoản tiền lãi: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn chị Tôn Thị Nữ Ph2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 98 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph1.

2. Buộc bị đơn chị Tôn Thị Nữ Ph2 có nghĩa vụ trả đủ một lần số tiền 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)* cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph1 phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Bị đơn chị Tôn Thị Nữ Ph2 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 đồng *(Bảy trăm năm chục nghìn đồng)*; hoàn trả lại 375.000 đồng *(Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007396 ngày 19/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Hòa cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph1.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H.Phú Hòa;
- Chi cục THADS huyện Phú Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa Phú Hòa và Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Minh Tâm